

5. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng 10 năm 2021	Ước tính tháng 11 năm 2021	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 11 năm 2021	Tháng 11/2021 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 11/2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	3.018.542,90	3.238.404,40	37.412.928,93	98,95	101,50
Lương thực, thực phẩm	1.981.114,20	2.150.318,70	21.901.339,41	129,53	112,50
Hàng may mặc	116.586,70	122.708,30	1.869.808,89	85,22	97,77
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	282.050,40	299.557,00	4.275.485,05	67,93	89,12
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	12.878,60	13.697,80	279.980,29	33,67	71,02
Gỗ và vật liệu xây dựng	192.022,40	200.023,40	2.824.088,15	64,80	90,82
Ô tô các loại	5.581,00	5.753,00	106.201,95	48,03	83,61
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	44.622,00	46.123,00	867.668,34	44,46	79,50
Xăng, dầu các loại	154.550,00	161.213,00	1.998.342,79	83,34	94,35
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	62.307,00	66.026,30	802.516,93	76,70	87,77
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	45.370,30	47.058,10	799.537,78	48,55	79,47
Hàng hóa khác	79.943,50	83.314,00	1.090.324,87	69,48	88,03
Doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	41.516,80	42.611,80	597.634,47	64,37	87,66